

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hoàng Ân

Bà Nguyễn Ngọc Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L), sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H Thuận, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) thành hôn vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng sống chung đến năm 1997 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống,

chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung, chị và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 20/8/1995 hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Tài sản chung, nợ chung chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Trần Thị Đ về thời gian sống chung, con chung và tài sản chung. Anh và chị Đ sống chung từ năm 1994 đến năm 1998 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Anh thống nhất ý kiến của chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Đ chấm dứt quan hệ vợ chồng. Về con chung của anh và chị Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 20/8/1995. Năm 1995, chị Đ đăng ký khai sinh cho cháu ghi sai tên cha là Nguyễn Văn L, anh xác định cháu Diên là con chung của anh và chị Đ, hiện cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) có văn bản đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) sống chung như vợ chồng từ năm 1994. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) đều xác định vợ chồng sống chung không có đăng ký kết hôn và tại xác nhận ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình có nội dung xác nhận: Qua trích lục sổ bộ đăng kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình từ năm 1994 đến ngày 01/3/202. Kết quả không tìm thấy họ và tên vợ Trần Thị Đ, sinh năm 1970, họ và tên chồng Nguyễn Văn Mỹ L, sinh năm 1970. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đ, anh L sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) là vợ chồng.

[3] Về con chung: Giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D sinh ngày 20/8/1995 hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không đề cập việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn Mỹ L (Nguyễn Văn L) là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Đ có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003946 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị Đ đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Nga